

QUỸ ETF SSIAM VNX50**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM****Independence - Freedom - Happiness**Số/No. **431** /2019/TB-SSIAM-NVQ

Hà Nội, ngày 13 tháng 09 năm 2019

Ha Noi, 13 September 2019

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI****ANNOUNCEMENT
AFTER EXCHANGE TRADING**

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM
To: Hochiminh Stock Exchange

- Tên CTQLQ/ *Fund Management company*: Công ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI
- Tên Ngân hàng giám sát/ *Supervisory Bank*: Ngân hàng BIDV, chi nhánh Hà Thành
- Tên Quỹ ETF/ *ETF name*: Quỹ ETF SSIAM VNX50
- Mã chứng khoán/ *Securities symbol*: FUESSV50
- Ngày giao dịch hoán đổi/ *Exchange date*: **12/09/2019**
- Đơn vị tính lô: 1 lô ETF tương đương: 100.000 chứng chỉ quỹ ETF
Unit: 1 lot of ETF = 100,000 ETF certificates

Danh mục đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ *Basket of Components securities and cash component*:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities symbol	Volume	Weighting
I	Chứng khoán/Stock		
1	ACB	1.800	3,1%
2	BMP	50	0,2%
3	BVH	100	0,6%
4	CII	310	0,5%
5	CTD	60	0,4%
6	CTG	440	0,7%
7	DHG	10	0,1%
8	DPM	230	0,2%
9	DXG	570	0,7%
10	EIB	1.560	2,0%
11	FLC	850	0,2%
12	FPT	800	3,4%
13	GAS	140	1,1%
14	GEX	550	0,9%
15	GMD	400	0,8%
16	HBC	230	0,2%
17	HCM	180	0,3%



18	HDB	1.030	2,0%
19	HPG	2.480	4,3%
20	HSG	380	0,2%
21	KBC	520	0,6%
22	MBB	1.890	3,3%
23	MSN	700	4,3%
24	MWG	430	3,9%
25	NLG	190	0,4%
26	NVL	540	2,6%
27	PDR	180	0,4%
28	PLX	120	0,6%
29	PNJ	260	1,6%
30	PVD	280	0,4%
31	PVS	300	0,5%
32	REE	250	0,7%
33	ROS	250	0,5%
34	SAB	100	2,0%
35	SBT	390	0,5%
36	SHB	1.600	0,8%
37	SSI	450	0,7%
38	STB	2.570	2,0%
39	TCB	3.410	5,8%
40	TCH	290	0,5%
41	VCB	440	2,7%
42	VCG	100	0,2%
43	VCS	100	0,7%
44	VGC	200	0,3%
45	VHM	1.250	8,4%
46	VIC	1.100	10,4%
47	VJC	400	4,2%
48	VNM	1.020	9,7%
49	VPB	2.570	4,0%
50	VRE	1.570	4,2%
II	Tiền/Cash	13.305.161 VND	

- Chênh lệch giữa danh mục chứng khoán cơ cấu và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ *Spread between a basket and one lot of ETF in value:*

- + Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/*Basket in value* 1.267.401.200 VND
- + Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ *Value per lot of ETF* 1.280.706.361 VND
- + Giá trị chênh lệch/ *Spread in value* 13.305.161 VND
- + Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch / *Plan to reduce the spread*
- Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/*With creation order*: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ *Transfer cash component*

- Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/ *With redemption order*: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ *Receive cash component after subtracting tax and redemption fee*
- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay bằng tiền (nếu có, nêu rõ lý do)/
In case, stock can be replaced by cash, state reason:

STT	Mã Chứng Khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)	Đối tượng áp dụng	Lý do
1	BVH	72.200	BVSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 44.4 a Thông tư 210/2012/TT-BTC Restriction of ownership by Circular 210/2012/TT-BTC
2	SSI	20.750	SSI	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch Treasury stock not yet registered for trading
3	VCB	78.200	VCBS	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 44.4 a Thông tư 210/2012/TT-BTC Restriction of ownership by Circular 210/2012/TT-BTC
4	ACB	21.800	Nhà đầu tư nước ngoài / <i>Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
5	CTG	19.800	Nhà đầu tư nước ngoài / <i>Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
6	FPT	54.100	Nhà đầu tư nước ngoài / <i>Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
7	GMD	26.600	Nhà đầu tư nước ngoài / <i>Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
8	MBB	22.650	Nhà đầu tư nước ngoài / <i>Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
9	MWG	115.100	Nhà đầu tư nước ngoài / <i>Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
10	NLG	28.350	Nhà đầu tư nước ngoài / <i>Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>



11	PNJ	79.900	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
12	REE	36.100	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
13	TCB	21.750	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
14	VCG	26.400	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
15	VPB	20.100	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit

Các chỉ tiêu khác/Other criteria

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This Period (12/09/2019)	Kỳ trước/Last Period (11/09/2019)	Chênh lệch/ Change
Số lô đã phát hành thêm/ Creation Units were issued	0	0	0
Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	0	0	0
Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Issued shares	13.600.000	13.600.000	0
Giá đóng cửa (VND/ccq)/ Close price	12.870	12.830	40
Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ Net Asset Value at Valuation Date			
<i>của quỹ ETF/ of the Fund</i>	<i>174.176.065.169</i>	<i>173.905.440.275</i>	<i>270.624.894</i>
<i>của 1 lô CCQ ETF/ per Creation Unit</i>	<i>1.280.706.361</i>	<i>1.278.716.472</i>	<i>1.989.889</i>
<i>của 1 CCQ/ per Share</i>	<i>12.807,06</i>	<i>12.787,16</i>	<i>19,90</i>
Chỉ số tham chiếu/ Tracking Index	1.463,34	1.449,96	13,38



TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Thị Lệ Hằng